

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 7 - 2025

V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Kim Cảnh;

2. Ông Lê Đình Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2024/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc “ *Ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị S, sinh năm 1966, số CCCD:038166001970; Địa chỉ: Thôn C Kh, (xã Th D, huyện Thiệu Hóa – Nay là xã Thiệu Quang), tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Ông Lê H Th, sinh năm 1964, số CCCD: 038064002795; Địa chỉ: Thôn C Kh, (xã Th D, huyện Thiệu Hóa – Nay là xã Thiệu Quang), tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt bà S (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), vắng mặt ông Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2024, bản tự khai ngày 13/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày:

Bà và ông Lê H Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th D, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 14/8/2024, thực chất vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1988. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm

2007 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông Th hay chửi bới, xúc phạm và đánh đập bà, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay bà S xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn ông Lê H Th.

Về con chung: Bà S trình bày vợ chồng có 03 con chung là anh Lê Huy T sinh ngày 10/02/1989, anh Lê Huy T1 sinh ngày 20/3/1990 và anh Lê Huy T2 sinh ngày 03/3/1993. Hiện nay các con đã trưởng thành và tự đi làm nuôi bản thân, nên bà S không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/3/2025 ông Lê H Th trình bày:

Ông và bà Lê Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th D, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do có lần bà S gây gỗ với hàng xóm, nên ông Th to tiếng nói vài câu thì bà S cho rằng ông không bênh vợ mà bênh vực người ngoài, vợ chồng ông chỉ cãi nhau về vấn đề đó, nhưng vẫn ở chung nhà với nhau. Nay bà S làm đơn xin ly hôn, ông Th xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không quá trầm trọng, nên ông Th không đồng ý ly hôn với bà S, ông Th cho rằng vợ chồng đã có tuổi rồi, về già cần người ở bên.

Về con chung: Ông Th trình bày vợ chồng có 03 con chung anh Lê Huy T sinh ngày 10/02/1989, anh Lê Huy T1 sinh ngày 20/3/1990 và anh Lê Huy T2 sinh ngày 03/3/1993. Hiện nay các con đã trưởng thành và tự lập được, nên ông Th không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo Bộ luật Tố tụng dân sự hợp lệ cho ông Lê H Th, nhưng ông Th không đến Tòa án. Vì vậy Tòa án không tiến hành tổ chức phiên hòa giải giữa bà S và ông Th được, thuộc trường hợp không thể tiến hành phiên hòa giải theo khoản 1 điều 207 Bộ luật TTDS.

Tại phiên tòa vắng mặt bà S, ông Th. Bà S đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt bà S vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn ông Lê H Th; Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là anh Lê Huy T sinh ngày 10/02/1989, anh Lê Huy T1 sinh ngày 20/3/1990 và anh Lê Huy T2 sinh ngày 03/3/1993. Hiện nay các con đã trưởng thành và tự đi làm nuôi bản thân, nên bà S không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Thanh Hóa có quan điểm: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các

quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1, Điều 56; điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho bà Lê Thị S được ly hôn ông Lê H Th.

Về án phí: Bà Lê Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê H Th, ông Th có hộ khẩu và nơi cư trú tại Thôn C Kh, (xã Th D, huyện Thiệu Hóa – Nay là xã Thiệu Quang), tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa.

Bà Lê Thị S và ông Lê H Th đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, bà S có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà S, ông Th.

[2]. Về hôn nhân: Bà Lê Thị S và ông Lê H Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bà S và ông Th chung sống với nhau từ năm 1988, tuy nhiên đến ngày 14/8/2024 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Th D, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa) việc ông Th bà S chung sống với nhau và sau này đi đăng ký kết hôn đều là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2024, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và bất đồng quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án bà S đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Tuy nhiên ông Th cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức phải ly hôn, nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải ông Th không có mặt tại Tòa án điều đó chứng tỏ ông Th bỏ mặc hôn nhân, không tha thiết níu kéo hôn nhân, đến thời điểm xét xử bà S vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê H Th. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho bà S được ly hôn ông Th là phù hợp.

[3]. Về con chung: Bà S và ông Th đều khai vợ chồng có 03 con chung là anh Lê Huy T sinh ngày 10/02/1989, anh Lê Huy T1 sinh ngày 20/3/1990 và anh Lê Huy T2 sinh ngày 03/3/1993. Bà S đã xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai

sinh của là anh Lê Huy T sinh ngày 10/02/1989, anh Lê Huy T1 sinh ngày 20/3/1990 và anh Lê Huy T2 sinh ngày 03/3/1993. đều có ghi họ tên mẹ là bà Lê Thị S, bố là ông Lê H Th. Như vậy đủ cơ sở khẳng định các anh Lê Huy T, anh Lê Huy T1 và anh Lê Huy T2 là con chung của bà S và ông Th. Song hiện nay các con đã trưởng thành bà S, ông Th không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản và công nợ: Bà S, ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]. Về án phí: Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị S ly hôn ông Lê H Th.
2. Về án phí: Bà Lê Thị S phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000134 ngày 18/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa. Bà S đã nộp đủ án phí.
3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà S, ông Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 3 – Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa.
- UBND xã Thiệu Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hoàng Văn Đạt

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự,
- VKSND khu vực 3,
- TAND tỉnh Thanh Hóa,
- UBND xã Thiệu Quang;
- THADS tỉnh Thanh Hóa,
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt